

Bản án số: 824/2024/DS-ST
Ngày: 06 - 9 - 2024
“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ân

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 về: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diệu N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 15 đường B, TDP 4, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Khắc H, sinh năm 1968; địa chỉ: Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 946, quyền số 02/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/4/2024). (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 998/22 đường Q, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Khắc H trình bày:

Bà Lê Thị Diệu N cho bị đơn là bà Lê Thị M vay tiền nhiều đợt, các bên có thỏa thuận về thời gian trả nợ, không thỏa thuận lãi suất. Cụ thể gồm các khoản vay theo các giấy vay tiền sau:

- Ngày 23/9/2022 cho vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thời gian trả ngày 27/9/2022 AL.

- Ngày 16/10/2022 cho vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời gian trả ngày 15/01/2023 AL.

- Ngày 27/11/2022 AL cho vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời gian trả ngày 30/8/2023AL.

- Ngày 26/5/2023 AL cho vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bà N cho bà M vay là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng), từ ngày vay tiền cho đến nay bà M không thực hiện việc trả nợ như các bên đã thỏa thuận. Nay bà N xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) ngày 26/5/2023AL, yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà M trả cho bà N tổng số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Lê Thị M có nơi cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn cho bị đơn vay tổng số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) theo các giấy vay tiền các ngày 23/9/2022, 16/10/2022 và 27/11/2022 AL. Tại các giấy vay tiền đều thể hiện các bên có thỏa thuận thời gian trả nợ nhưng nguyên đơn xác định kể từ thời điểm vay tiền cho đến nay bị đơn vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã hình thành giao dịch dân sự cho vay tài sản, phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bị đơn có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng trong quá trình Tòa giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa xem xét. Xét thấy, nghĩa vụ chứng minh việc trả nợ là của bị đơn nhưng bị đơn không chứng minh được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ xét xử vụ án. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ nêu trên là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) theo các giấy vay tiền ngày 23/9/2022 DL

(28/8/2022AL), 16/10/2022 AL và 27/11/2022 AL.

Thời hạn trả nợ: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) ngày 26/5/2023 AL.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu án phí là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0018892 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên